

Bản số: 40/2017/HNGĐ - ST

Ngày: 24/8/2017

Vụ: H – L

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Phụng

2. Ông Trần Trọng Tú

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH: Ông Hoàng Mạnh Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017 tại Hội trường, Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 285/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2017/QĐSTHNGĐ, ngày 20 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982.

Nơi ĐKKHKT: Tổ A, phường Đ, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Dương Hữu L, sinh năm 1977.

Nơi ĐKKHKT: Tổ A, phường Đ, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh L kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống, hai vợ chồng có 01 con chung là Dương Hữu P, sinh ngày 21/9/2008. Nguyên nhân dẫn đến chị phải xin ly hôn là do: Từ khi kết hôn đến nay được 9 năm nhưng vợ chồng đã xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cứ nói chuyện với nhau là cãi nhau.

Nhiều lần chị đã về nhà mẹ đẻ sống, sau đó hai vợ chồng đã nói chuyện để hòa giải trở về với nhau nhưng chỉ được một thời gian ngắn lại tiếp tục mâu thuẫn. Anh L chỉ thay đổi được một thời gian sau đó lại tiếp tục không quan tâm đến vợ và con. Hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, ai đi đâu, làm gì, không quan tâm, không hỏi han... Chị cũng đã cố gắng rất nhiều nhưng cũng không tìm được tiếng nói chung với anh L. Ngoài ra, theo chị H thì trong quá trình chung sống với chị, anh L có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác, chị cũng đã đến nhà người phụ nữ đó nói chuyện nhưng anh L vẫn công khai có quan hệ với người đó. Hai bên gia đình đã hòa giải thì anh L có thay đổi nhưng chỉ được một thời gian thì lại tiếp tục có quan hệ với người khác. Chị cũng đã vì con nên đã tha thứ và quay về nhiều lần nhưng anh L không thay đổi. Chính vì vậy từ năm 2014, chị đã đưa con về nhà mẹ sống, chị tự chăm sóc con, anh L không quan tâm chỉ thỉnh thoảng đón, đưa con đi chơi. Thời gian gần đây gia đình anh chị đã hòa giải nhưng anh L cũng xác định không còn tình cảm gì với chị nên chị đã làm đơn ly hôn. Sau khi Tòa án hòa giải lần thứ nhất, để cho hai bên cải thiện mâu thuẫn nhưng anh L cũng không trao đổi, hòa giải với nhau, vì hai bên không còn nói chuyện được với nhau nữa. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hòa giải được nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Dương Hữu P, sinh ngày 21/9/2008 và yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mức 1.000.000 đồng/ tháng cho đến khi con trưởng thành.

Tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay phía bị đơn anh Dương Hữu L trình bày: Anh xác nhận lời khai của chị H về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Về nguyên nhân dẫn đến việc mâu thuẫn giữa hai vợ chồng theo anh là không có. Anh không rõ nguyên nhân vì sao chị H đề nghị ly hôn. Anh làm nghiên cứu sinh nên thường xuyên không có ở nhà, chị H bỏ về nhà mẹ đẻ sống mà không nói lý do vì sao. Chị H cho rằng anh ở riêng, có con riêng với sinh viên là không đúng. Theo anh, việc chị H ra ở riêng là do những chuyện vặt trong gia đình, chị H mâu thuẫn với mẹ chồng, chứ không phải do mâu thuẫn giữa hai vợ chồng. Anh thừa nhận hai vợ chồng đã sống ly thân vài năm nay, không còn quan tâm đến nhau nữa nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị H nên không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chưa có yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tiến hành hòa giải nhiều lần tuy nhiên các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án, do vậy vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên toà đại diện VKS phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành quy định về tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.
- Về nội dung: Chấp nhận đơn ly hôn của Nguyên đơn; giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng; bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng nguyên đơn mức 1.000.000 đồng/ tháng; tài sản chung, nợ chung không giải quyết vì các đương sự không yêu cầu; án phí buộc nguyên đơn, bị đơn phải nộp theo luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Về nội dung: Chị Nguyễn Thị H và anh Dương Hữu L kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc nên được pháp luật công nhận là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do hai bên bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Sau mỗi lần xảy ra mâu thuẫn, chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở thì anh L cũng không có động thái gì để hòa giải mâu thuẫn để vợ chồng về sống với nhau, cùng nuôi dạy con chung. Anh L không quan tâm, thờ ơ trong cuộc sống chung vợ chồng. Bản thân anh không muốn ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp để giải quyết tận gốc mâu thuẫn phát sinh hàng ngày. Chị H và anh L đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu có tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Do vậy, cần chấp nhận đơn khởi kiện về ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn với anh L là phù hợp với thực tế và các quy định của pháp luật quy định tại các điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình 2015.

Về con chung: Chị H và anh L cùng có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là Dương Hữu P, sinh ngày 21/9/2008. Hội đồng xét xử thấy, tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2015 quy định:

“ 1. Sau khi ly hôn, vợ chồng vẫn có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của luật này, bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ và quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thoả thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Xét về điều kiện chăm sóc giáo dục con chung: Chị H và anh L hiện đang công tác tại trường Đại học N, tỉnh Thái Nguyên. Như vậy, cả hai anh chị cùng có công việc ổn định, có thu nhập, có đủ điều kiện để chăm sóc con. Tuy nhiên, cháu Dương Hữu P từ nhỏ đến nay (kể cả thời gian anh chị sống ly thân) đều do chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục nên đã quen với cuộc sống hiện tại. Bản thân cháu P đã có bản tự khai tại Tòa án và có nguyện vọng được sống chung với mẹ sau khi ly hôn. Xét thấy để đảm bảo sự phát triển bình thường của con trẻ, tránh sự xáo trộn cuộc sống không cần thiết, cũng như tôn trọng nguyện vọng của cháu P, Hội đồng xét xử nên chấp nhận yêu cầu của chị H, giao con chung là Dương Hữu P, sinh ngày 21/9/2008 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp với thực tế và Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2015.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị H yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng. Xét về hoàn cảnh kinh tế hiện tại của anh L, mức sống trung bình tại thành phố Thái Nguyên thời điểm hiện tại thì yêu cầu về mức cấp dưỡng nuôi con của chị H là hoàn toàn phù hợp. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị H, buộc anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mức 1.000.000 đồng/ tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu P thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Chị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, anh L phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Áp dụng các Điều 51, 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện về ly hôn của chị Nguyễn Thị H, cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Dương Hữu L.

2. Về con chung: Giao con chung là Dương Hữu P, sinh ngày 21/9/2008 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh L được quyền đi lại thăm nom con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H hàng tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng); thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực đến khi cháu Phúc đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất trên số tiền chậm thi hành cho đến khi thi hành xong theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

4. Án phí: Chị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp sang theo biên lai thu số 0005100 ngày 09/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Anh L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Chị H, anh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND TP;
- Chi cục THADS TP;
- Đương sự;
- UBND phường Đ;
- Lưu HS, BP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hà